

Số: /TB-CVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Hướng dẫn xây dựng Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá

Căn cứ quy định tại:

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12;
- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;
- Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông;
- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;
- Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13/5/2013 hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 2014/QĐ-BTTTT ngày 25/10/2023 về việc phê duyệt Phương án tổ chức đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần 2500-2600 MHz cho hệ thống thông tin di động mặt đất theo tiêu chuẩn IMT. Theo đó, thời hạn nộp Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện tham gia đấu giá là hết ngày 24/11/2023.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện công tác thẩm định, cấp giấy xác nhận, Cục Viễn thông hướng dẫn các đơn vị xây dựng Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo nội dung tại Phụ lục đính kèm thông báo này.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục TSVTĐ (để biết, p/h);
- Lưu: VT, CPTN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Phong Nhã

PHỤ LỤC

DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẤU GIÁ

I. Đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Khoản 4 Điều 19 Nghị định 63/2023/NĐ-CP) gồm:

1. Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP (phải được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, trường hợp không phải Người đại diện theo pháp luật ký thì phải có Giấy uỷ quyền có hiệu lực trước thời điểm ký Đơn).

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông (khoản 8 Điều 1 Nghị định 81/2016/NĐ-CP), bao gồm:

a. Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2016/NĐ-CP (phải được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, trường hợp không phải Người đại diện theo pháp luật ký thì phải có Giấy uỷ quyền có hiệu lực trước thời điểm ký Đơn). Ghi rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung là: thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông đã được cấp phép.

b. Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kể từ ngày được cấp giấy phép tới ngày đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2016/NĐ-CP;

c. Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật phù hợp với tài nguyên viễn thông thay đổi theo Mẫu số 04, Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2016/NĐ-CP;

3. Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP (phải được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, trường hợp không phải Người đại diện theo pháp luật ký thì phải có Giấy uỷ quyền có hiệu lực trước thời điểm ký Bản cam kết).

4. Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp mới hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông theo Mẫu 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP (phải được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, trường hợp không phải Người đại diện theo pháp luật ký thì phải có Giấy uỷ quyền có hiệu lực trước thời điểm ký Bản cam kết).

5. Bản cam kết tuân thủ đúng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện, bao gồm các nội dung sau:

a. Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;

b. Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật Tần số vô tuyến điện (Trường hợp đặc biệt được sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch tần số vô tuyến điện bao gồm sử dụng cho mục đích triển lãm, đo kiểm, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới; sử dụng trong các sự kiện quốc tế, hội nghị quốc tế);

c. Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

d. Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

II. Đối với tổ chức chưa có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

Hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá đối với tổ chức chưa có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông gồm:

1. Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP (phải được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, trường hợp không phải Người đại diện theo pháp luật ký thì phải có Giấy uỷ quyền có hiệu lực trước thời điểm ký Đơn).

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về viễn thông (điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị định 81/2016/NĐ-CP), bao gồm:

a. Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2016/NĐ-CP (phải được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, trường hợp không phải Người đại diện theo pháp luật ký thì phải có Giấy uỷ quyền có hiệu lực trước thời điểm ký Đơn);

b. Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13);

c. Bản sao điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp (doanh nghiệp cần lưu ý điều khoản về giá trị bản sao của Điều lệ ghi trong điều lệ: ví dụ phải có chữ ký của Chủ tịch, phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT);

d. Văn bản xác nhận vốn pháp định theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Khoản 1 Điều 13 Thông tư 12/2013/TT-BTTTT): văn bản xác nhận vốn pháp định là báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trước trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc tài liệu chứng minh vốn góp, vốn đầu tư nêu tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 12/2013/TT-BTTTT (tổng tài sản trong báo cáo tài chính hoặc tổng số vốn góp, vốn đầu tư có giá trị không thấp hơn vốn pháp định quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP);

e. Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Dự báo và phân tích thị trường; phương án kinh doanh; doanh thu; tổng kinh phí đầu tư và phân bổ kinh phí cho từng năm; hình thức đầu tư, phương án huy động vốn; nhân lực (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2016/NĐ-CP);

f. Kế hoạch kỹ thuật tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép bao gồm các nội dung chính sau: Cấu hình mạng lưới, thiết bị theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng; phân tích năng lực mạng lưới, thiết bị; dung lượng các đường truyền dẫn; tài nguyên viễn thông; công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng; biện pháp bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn, an ninh thông tin (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2016/NĐ-CP);

g. Văn bản cam kết thực hiện giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 81/2016/NĐ-CP. Mức cam kết đầu tư của doanh nghiệp ghi trong văn bản cam kết thực hiện giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng không thấp hơn mức cam kết đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP (Căn cứ khoản 1 Điều 14 Thông tư 12/2013/TT-BTTTT).

CHÚ Ý: Doanh nghiệp chỉ được nhận giấy phép khi có văn bản xác nhận đã nộp tiền đảm bảo thực hiện giấy phép theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư 12/2013/TT-BTTTT để thực hiện quy định tại Điều 22 Nghị định 25/2011/NĐ-CP.

3. Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP (phải được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, trường hợp không phải Người đại diện theo pháp luật ký thì phải có Giấy uỷ quyền có hiệu lực trước thời điểm ký Bản cam kết).

4. Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp mới hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông theo Mẫu 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 63/2023/NĐ-CP (phải được ký bởi Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp, trường hợp không phải Người đại diện theo pháp luật ký thì phải có Giấy uỷ quyền có hiệu lực trước thời điểm ký Bản cam kết).

5. Bản cam kết tuân thủ đúng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện, bao gồm các nội dung sau:

a. Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;

b. Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật Tần số vô tuyến điện (Trường hợp đặc biệt được sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch tần số vô tuyến điện bao gồm sử dụng cho mục đích triển lãm, đo kiểm, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới; sử dụng trong các sự kiện quốc tế, hội nghị quốc tế);

c. Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

d. Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.